

biết nhiều người đồng bào có nhu cầu xin đi dạy học tại các trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. H đã đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ quen biết với Lãnh đạo trong ngành Giáo dục và có khả năng xin được việc làm là đi dạy học tại các trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mà không phải thông qua tuyển dụng từ đó làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền rồi sau đó chiếm đoạt, để sử dụng vào mục đích cá nhân của mình. Với thủ đoạn như trên, H đã thực hiện 05 vụ lừa đảo, chiếm đoạt tổng số tiền 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*), cụ thể như sau:

1. Đối với việc chiếm đoạt tài sản của chị H N, sinh năm 1988, trú tại buôn B B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

Vào năm 2016, thông qua mối quan hệ xã hội chị H N có quen biết với bị cáo H và đến liên hệ nhờ bị cáo H xin việc làm đi dạy tại trường mầm non trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo H có đưa ra thông tin là có quen biết với nhiều Lãnh đạo huyện B và hứa hẹn sẽ xin cho chị H N đi dạy học và xin vào biên chế nhà nước tại huyện B với giá tiền 120.000.000 đồng. Ngày 21/8/2016, chị H N đưa cho bị cáo H số tiền 120.000.000 đồng có giấy biên nhận tiền đề ngày 21/8/2016 và có chữ ký, chữ viết xác nhận của bị cáo H. Sau khi không xin được việc làm cho H N thì bị cáo không trả lại tiền cho chị H N mà chiếm đoạt số tiền nêu trên sử dụng vào mục đích cá nhân.

2. Đối với việc chiếm đoạt tài sản của chị H Đ, sinh năm 1994, trú tại buôn B B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

Vào năm 2016, thông qua mối quan hệ xã hội chị H Đ có quen biết với bị cáo H và đến liên hệ nhờ bị cáo H xin đi dạy tại trường cấp 1 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo H đưa ra thông tin là xin được cho chị H Đ đi dạy học tại trường cấp 1 của huyện B với số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 21/8/2016, chị H Đ đã đưa trước cho bị cáo H số tiền 60.000.000 đồng và có viết giấy nhận tiền và có chữ ký xác nhận của bị cáo H đồng thời giữa hai người có đưa ra thỏa thuận sau khi H Đ được đi dạy tại huyện B thì chị H Đ sẽ đưa tiếp số tiền 60.000.000 đồng còn lại. Sau khi không được việc cho chị H Đ thì bị cáo không trả lại số tiền nêu trên cho chị H Đ mà sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

3. Đối với việc chiếm đoạt tài sản của anh Y T, sinh năm 1991, trú tại buôn B B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

Vào năm 2016, thông qua mối quan hệ xã hội anh Y T có quen biết với bị cáo H và đến liên hệ nhờ xin việc làm đi dạy tại trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo H đưa ra thông tin là xin được cho anh Y T đi dạy học và xin vào biên chế tại huyện K với số tiền là 140.000.000 đồng. Ngày 21/8/2016, anh Y T đưa cho bị cáo H số tiền 140.000.000 đồng có giấy biên nhận tiền đề ngày 21/8/2016 và chữ ký, chữ viết xác nhận của bị cáo H. Sau khi không xin được việc làm cho anh Y T thì bị cáo không trả lại tiền cho anh Y T mà sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

4. Đối với việc chiếm đoạt tài sản của anh Y P, sinh năm 1970, trú tại buôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk:

Vào năm 2015, thông qua mối quan hệ xã hội anh Y P có nhờ bị cáo H xin cho con gái là H N, sinh năm 1993 đi dạy một trường mầm non ở thị xã Buôn Hồ và sau đó vào biên chế với số tiền 140.000.000 đồng. Anh Y P đã đưa tiền cho bị cáo H 02 lần tổng số tiền 140.000.000 đồng cụ thể vào ngày 08/9/2015 đưa 130.00.000 đồng và vào ngày 13/9/2015 đưa 10.000.000 đồng khi nhận tiền thì bị cáo H có ký và xác nhận trên giấy nhận tiền. Sau khi không xin được việc làm cho cháu H N con gái anh Y P thì bị cáo đã trả lại cho Y P số tiền 15.000.000 đồng còn số tiền 125.000.000 đồng thì bị cáo đã chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

5. Đối với việc chiếm đoạt tài sản của chị H S, sinh năm 1993, trú tại buôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk:

Vào năm 2016, chị H S có nhờ bị cáo H xin việc cho chị H S đi dạy học và vào biên chế tại một trường mầm non ở huyện C với số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, vào ngày 30/12/2016, chị H S đưa cho bị cáo H số tiền 90.000.000 đồng để đi dạy học đồng tại trường mầm non huyện C có viết giấy nhận tiền và có chữ ký xác nhận của bị cáo H, số tiền 30.000.000 đồng còn lại sau khi vào biên chế nhà nước sẽ đưa cho bị cáo H. Nhưng sau khi nhận tiền, bị cáo H không xin được việc làm cho chị H S, đến khoảng tháng 8/2018, bị cáo H đã trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho chị H S. Số tiền còn lại 80.000.000 đồng bị cáo H đã chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tổng số tiền mà bị cáo H đã chiếm đoạt của 05 bị hại gồm: H N, H Đ, Y T, Y P và H S là 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Tại Bản kết luận giám định số: 880/PC09 ngày 28/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *Chữ ký, chữ viết mang tên “H” và “H” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 so với chữ ký chữ viết của H là trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.*

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2020/HS-ST ngày 15/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Tuyên bố Bị cáo H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo H 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/11/2019.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 21/9/2020, bị cáo H kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Mức án 13 năm tù là quá cao, Bị cáo còn mẹ già, con nhỏ mới 7 tuổi.

Tại phiên tòa: Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo vì lý do như trên; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo trong thời gian thi hành án.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; Lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, bị cáo H biết rõ không có khả năng xin việc làm là dạy học tại các trường học trên địa bàn của tỉnh Đắk Lắk, nhưng lại đưa ra thông tin không đúng sự thật là mình có khả năng làm những việc nói trên để chiếm đoạt tài sản của 5 người có nhu cầu xin việc làm với số tiền 525.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố bị cáo H phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H thì thấy: Bị cáo H biết rõ mình hoàn toàn không có khả năng xin việc làm, nhưng vẫn đưa ra thông tin không đúng sự thật để những người bị hại tin tưởng đưa tiền để bị các chiếm đoạt số tiền 525.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; sau khi phạm tội bị cáo đã khai nhận đúng hành vi phạm tội, là người dân tộc thiểu số, có mẹ già và đang nuôi con nhỏ nên án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ: “*khai báo thành khẩn* ” được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 13 năm tù là không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 72/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo H **13** (mười ba) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 14/11/2019.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV; Trại tạm giam - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (thay cho TB kết quả xét xử)
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến